

**ĐIỂM THI CÔNG CHỨC VÒNG 2 XẾP THEO NHÓM NGÀNH CẦN TUYỂN DỤNG
VÀO CÁC CƠ QUAN ĐẢNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM**

TT	TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Diện ưu tiên	Vị trí ưu tiên bố trí sau trúng tuyển	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 2	Tổng điểm ưu tiên và điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I. Vị trí việc làm bố trí tại cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, huyện ủy (nhóm ngành Xây dựng Đảng và Nhà nước), gồm 04 chỉ tiêu.													
1	1	Nguyễn Văn Nhật	10/02/1984		Kinh	Xã Duy Hải, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	không	Văn phòng Huyện ủy Đông Giang	KD106	0	96.5	96.5	
2	2	Trương Thị Hoài Thương		20/02/1993	Kinh	Xã Tam Mỹ Tây, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Thành ủy Tam Kỳ	KD161	0	94	94	
3	3	Võ Thị Anh Thư		24/10/1983	Kinh	Xã Duy An, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Thành ủy Tam Kỳ	KD155	0	94	94	
4	4	Nguyễn Thị Kim Ngân		05/06/1990	Kinh	Xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Thăng Bình	KD094	0	81.75	81.75	
5	5	Nguyễn Tấn Dương	14/04/1991		Kinh	Xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Thăng Bình	KD023	0	78.5	78.5	
6	6	Nguyễn Thị Lê Quý		05/08/1997	Kinh	Xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	không	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Nam Trà My	KD124	0	72.75	72.75	
7	7	Trương Hạ Uyên		22/12/1991	Kinh	Xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Thành ủy Tam Kỳ	KD194	0	71.5	71.5	
8	8	Phạm Thị Việt Trinh		05/01/1997	Kinh	Xã Tam Giang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Thành ủy Tam Kỳ	KD185	0	67	67	
9	9	A Võ Thị Thông		23/03/1995	Cotu	Xã Zà Hung, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	DTTS	Văn phòng Huyện ủy Đông Giang	KD153	5	41	46	

phục

TT	TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Diện ưu tiên	Vị trí ưu tiên bố trí sau trúng tuyển	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 2	Tổng điểm ưu tiên và điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
10	10	Đỗ Minh Phương	06/08/1991		Kinh	Xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Bộ đội xuất ngũ	Ban Tổ chức Huyện ủy Thăng Bình	KD119	2.5	33.25	35.75	
11	11	Nguyễn Thị Bích Ngọc		27/09/1990	Kinh	Xã Điện Phương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Thành ủy Tam Kỳ	KD097	0	29.5	29.5	
12	12	Phạm Thị Tường Vy		04/08/1996	Kinh	Xã Quế An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Thăng Bình	KD205	0	23.5	23.5	
II. Vị trí tuyển dụng cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, cấp ủy cấp huyện (nhóm ngành Luật) gồm 04 chỉ tiêu.													
13	1	Lê Quang Trọng Nhân	15/02/1990		Kinh	Phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	Không	Phòng Theo dõi công tác phòng chống tham nhũng, Ban Nội chính Tỉnh ủy	KD105	0	93,75	93,75	
14	2	Nguyễn Thị Hồ Oanh		09/05/1981	Kinh	Xã Hiệp Thuận, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam	Không	Phòng Theo dõi công tác phòng chống tham nhũng, Ban Nội chính Tỉnh ủy	KD113	0	91,25	91,25	
15	3	Nguyễn Thị Như Lai		11/06/1992	Kinh	Xã Bình Định Bắc, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Không	Phòng Theo dõi công tác phòng chống tham nhũng, Ban Nội chính Tỉnh ủy	KD066	0	83,5	83,5	
16	4	Võ Thị Thu Hằng		20/12/1994	Kinh	Thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Con bệnh binh	Phòng Theo dõi công tác phòng chống tham nhũng, Ban Nội chính Tỉnh ủy	KD034	5	74,75	79,75	
17	5	Ngô Thị Sương		10/01/1992	Kinh	Xã Tam Thạnh, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Phòng Theo dõi công tác phòng chống tham nhũng, Ban Nội chính Tỉnh ủy	KD131	0	72,25	72,25	
18	6	Cù Thị Vũ Quyên		31/05/1992	Kinh	Phường An Sơn, TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Không	Phòng Theo dõi công tác phòng chống tham nhũng, Ban Nội chính Tỉnh ủy	KD125	0	72	72	

phần

TT	TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Diện ưu tiên	Vị trí ưu tiên bố trí sau trúng tuyển	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 2	Tổng điểm ưu tiên và điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
19	7	Đặng Thị Vân		24/10/1992	Kinh	Xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Không	Phòng Theo dõi công tác phòng chống tham nhũng, Ban Nội chính Tỉnh ủy	KD195	0	71,75	71,75	
20	8	Hà Thị Thu Diễm		02/01/1987	Kinh	Thị trấn Tân An, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Huyện ủy Thăng Bình	KD016	0	69,5	69,5	
21	9	Hồ Hoàng Hạnh		26/11/1991	Kinh	Xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Con người bị nhiễm chất độc hóa học	Phòng Theo dõi công tác phòng chống tham nhũng, Ban Nội chính Tỉnh ủy	KD033	5	57,5	62,5	
22	10	Trần Thị Quyên		13/05/1995	Kinh	Xã Quế Long, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Huyện ủy Duy Xuyên	KD126	0	58	58	
23	11	Hồ Thị Sương		24/01/1991	Kinh	Xã Quế Châu, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Huyện ủy Thăng Bình	KD132	0	43	43	
24	12	Cao Thị Thanh Hương		16/10/1990	Kinh	Phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Không	Ban Dân vận Huyện ủy Thăng Bình	KD061	0	36,25	36,25	
25	13	Phạm Thị Hiền		22/4/1985	Kinh	Xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Huyện ủy Phước Sơn	KD039	0	35	35	
26	14	Nguyễn Tín Thành	09/02/1985		Kinh	Xã Tam Tiến, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Huyện ủy Thăng Bình	KD146	0	31,5	31,5	
27	15	Nguyễn Thị Bích Thuận		24/12/1990	Kinh	Xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam	Con người bị nhiễm chất độc hóa học	Phòng Theo dõi công tác phòng chống tham nhũng, Ban Nội chính Tỉnh ủy	KD157	5	22,5	27,5	
28	16	Huỳnh Nguyễn Việt Phương	01/02/1988		Kinh	Xã Tam Phước, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Không	Phòng Theo dõi công tác phòng chống tham nhũng, Ban Nội chính Tỉnh ủy	KD120	0	23,25	23,25	
29	17	Hà Thị Đoàn Lộc		07/03/1993	Kinh	Xã Tam Hiệp huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Con thương binh	Phòng Theo dõi công tác phòng chống tham nhũng, Ban Nội chính Tỉnh ủy	KD077	5	17,75	22,75	

TT	TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Diện ưu tiên	Vị trí ưu tiên bố trí sau trúng tuyển	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 2	Tổng điểm ưu tiên và điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
30	18	Nguyễn Nhật Hiền		26/02/1997	Kinh	Xã Quế Phong, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Không	Phòng Theo dõi công tác phòng chống tham nhũng, Ban Nội chính Tỉnh ủy	KD038	0	17	17	
31	19	Nguyễn Hồng Anh Ly		14/08/1992	Kinh	Xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Không	Phòng Theo dõi công tác phòng chống tham nhũng, Ban Nội chính Tỉnh ủy	KD079	0	11,25	11,25	
32	20	Đỗ Thị Tố Nữ		04/02/1987	Kinh	Xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Huyện ủy Duy Xuyên	KD110	0	9,5	9,5	
III. Vị trí tuyển dụng cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, cấp ủy cấp huyện (nhóm ngành Xã hội nhân văn) gồm 06 chỉ tiêu:													
33	1	Nguyễn Đình Nghĩa	01/06/1988		Kinh	Phường Vĩnh Điện, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Con thương binh 4/4	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Tây Giang	KD096	5	94,5	99,5	
34	2	Phan Thị Hiền		05/11/1989	Kinh	Xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam	Con của người HDKC bị nhiễm chất độc hóa học	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Phước Sơn	KD037	5	94,5	99,5	
35	3	Nguyễn Thị Thu Hiền		29/09/1989	Kinh	Xã Hương An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiên Phước	KD040	0	97	97	
36	4	Tạ Thị Lài		09/12/1989	Kinh	Xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiên Phước	KD067	0	97	97	
37	5	Lê Thị Minh Thùy		26/02/1989	Cotu	Xã Tư, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	DTTS	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Đông Giang	KD169	5	91	96	
38	6	Nguyễn Thị Dung		30/10/1995	Kinh	Xã Quế Xuân 2, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiên Phước	KD018	0	94,75	94,75	
39	7	Nguyễn Thị Trinh		16/07/1988	Kinh	Xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiên Phước	KD186	0	94,5	94,5	
40	8	Trần Kim Tuyền	17/07/1987		Kinh	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Không	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Đông Giang	KD192	0	93,75	93,75	

phần

TT	TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Diện ưu tiên	Vị trí ưu tiên bố trí sau trúng tuyển	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 2	Tổng điểm ưu tiên và điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
41	9	Lê Hoàng Tâm		30/05/1990	Kinh	Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiên Phước	KD136	0	88	88	
42	10	Phùng Thị Lanh		28/02/1988	Kinh	Xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiên Phước	KD068	0	75	75	
43	11	Phan Minh An	28/5/1990		Kinh	Xã Tam Hòa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Con bệnh binh loại 2 (61%)	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiên Phước	KD001	5	68,75	73,75	
44	12	Bnướcch Hiền	04/07/1992		Cotu	Xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	DTTS	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Đông Giang	KD041	5	66,75	71,75	
45	13	Dinh Thị Thanh Thảo		10/06/1991	Cadong	Xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam	DTTS	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiên Phước	KD148	5	66,25	71,25	
46	14	Lê Thị Minh Tâm		21/10/1990	Kinh	Xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiên Phước	KD137	0	69,5	69,5	
47	15	Trần Khắc Nhân	24/11/1992		Kinh	Xã Tam Dân, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiên Phước	KD104	0	68,5	68,5	
48	16	Huỳnh Thị Hòa		09/7/1989	Kinh	Xã Tam Lãnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Con thương binh 4/4	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiên Phước	KD052	5	59,5	64,5	
49	17	Doãn Thị Phương Thảo		24/03/1990	Kinh	Phường Hòa Hương, TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiên Phước	KD149	0	63	63	
50	18	Trần Thị Diễm Phú		03/7/1995	Kinh	Xã Bình Đào, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Không	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Phước Sơn	KD115	0	61,25	61,25	
51	19	Võ Thị Ta Sa		05/09/1988	Kinh	Xã Hương Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình	Không	Ban Dân vận Huyện ủy Tây Giang	KD128	0	58,25	58,25	
52	20	Cao Thị Ái Nhi		26/05/1989	Kinh	Xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiên Phước	KD107	0	55,5	55,5	
53	21	Blúp Hê	29/05/1989		Cotu	Xã Atiêng, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	Người DTTS, Hoàn thành NVQS	Ban Dân vận Huyện ủy Tây Giang	KD035	5	39,5	44,5	

phần

TT	TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Diện ưu tiên	Vị trí ưu tiên bố trí sau trúng tuyển	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 2	Tổng điểm ưu tiên và điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
54	22	Alăng Thìn	02/06/1994		Cotu	Xã Atiêng, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	Người DTTS, Hoàn thành NVQS	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Tây Giang	KD152	5	38,5	43,5	
55	23	Ngô Xuân Vương	12/08/1987		Kinh	Xã Tam Thăng, TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiên Phước	KD204	0	40,75	40,75	
56	24	Trần Thị Ý Thu		28/08/1992	Kinh	Xã Tam Dân, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiên Phước	KD208	0	34,5	34,5	
57	25	Brao Hồng Thẩm		30/07/1991	Cotu	Xã La Dêê, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	DTTS	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Đông Giang	KD144	5	24,5	29,5	
58	26	Hoàng Thị Minh Lý		08/03/1985	Kinh	Xã Tam Giang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Con của người HDKC nhiễm chất độc hóa học	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Đông Giang	KD081	5	22,75	27,75	
59	27	Ngô Thành Tâm	03/4/1988		Kinh	Xã Phú Thọ, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển miền núi, thời gian 53 tháng	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiên Phước	KD139	2,5	24,5	27	
60	28	Trần Ngọc Hạ Long	05/02/1989		Kinh	Xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Không	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Phước Sơn	KD075	0	23,8125	23,8125	Bị trừ 25% số điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành do bị lập biên bản xử lý khiển trách
61	29	Briu Liên	01/01/1988		Cotu	Xã Axan, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	Người DTTS	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Tây Giang	KD071	5	5,25	10,25	

part

TT	TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Diện ưu tiên	Vị trí ưu tiên bố trí sau trúng tuyển	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 2	Tổng điểm ưu tiên và điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
62	30	Nguyễn Thị Lương		28/07/1985	Kinh	Xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Con đẻ người bị nhiễm chất độc hoá học	Ban Dân vận Huyện ủy Tây Giang	KD078	5	4	9	
63	31	Riáh Quốc	17/06/1995		Cotu	Xã Gari, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	Người DTTS	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Tây Giang	KD123	5	3	8	
64	32	Riáh Nhô	18/03/1990		Cotu	Xã Ch'om, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	Người DTTS, Con bệnh binh	Ban Dân vận Huyện ủy Tây Giang	KD109	5	2	7	
65	33	Đoàn Thị Luật Thương		18/08/1992	Kinh	Thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiên Phước	KD162	0	3	3	
IV. Vị trí tuyển dụng cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, cấp ủy cấp huyện (nhóm ngành Kinh tế) gồm 12 chỉ tiêu													
66	1	Hồ Văn Lê	23/10/1984		Kinh	Xã Quế An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Con thương binh 4/4	Ban Tuyên giáo Thành ủy Tam Kỳ	KD069	5	94	99	
67	2	Trần Thị Thu Thủy		26/11/1990	Kinh	Phường Hòa Hương, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tuyên giáo Thành ủy Tam Kỳ	KD173	0	97	97	
68	3	Đoàn Trọng Đức	01/05/1992		Kinh	Xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam	Không	Phòng Tổng hợp Văn phòng Tỉnh ủy	KD028	0	93,75	93,75	
69	4	Đào Thị Hiền		06/01/1983	Kinh	Xã Cao Thắng, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ	Con bệnh binh	Phòng Quản trị Văn phòng Tỉnh ủy	KD036	5	87,25	92,25	
70	5	Đoàn Trọng Hiếu	21/09/1990		Kinh	Xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng huyện ủy Thăng Bình	KD045	0	89,25	89,25	
71	6	Nguyễn Văn Huy	06/09/1984		Kinh	Phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.	Không	Phòng Quản trị Văn phòng Tỉnh ủy	KD063	0	89	89	
72	7	Nguyễn Thị Thúy		20/02/1991	Kinh	Xã Tam Xuân II, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Núi Thành	KD168	0	86,75	86,75	

Phụ

TT	TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Diện ưu tiên	Vị trí ưu tiên bố trí sau trúng tuyển	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 2	Tổng điểm ưu tiên và điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
73	8	Nguyễn Thị Thùy Tiên		15/02/ 1990	Kinh	Xã Điện Hồng, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Con thương binh 4/4	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD175	5	79,25	84,25	
74	9	Trịnh Thị Hải Yến		16/09/1987	Kinh	Xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.	Con thương binh	Phòng Tổng hợp Văn phòng Tỉnh ủy	KD209	5	77,5	82,5	
75	10	Lê Thị Xuân Hân		13/01/1989	Kinh	Xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Con thương binh 2/4	Ban Dân vận Huyện ủy Bắc Trà My	KD032	5	72,5	77,5	
76	11	Phan Thị Diễm My		05/7/ 1990	Kinh	Xã Điện Quang, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD087	0	76,5	76,5	
77	12	Bùi Thị Thu Sang		10/04/1983	Kinh	Xã Điện Tiến, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Con bệnh binh	Phòng Quản trị Văn phòng Tỉnh ủy	KD129	5	70,25	75,25	
78	13	Tô Thị Minh Trà		01/11/1988	Kinh	Xã Bình Lãnh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Huyện ủy Thăng Bình	KD179	0	74,5	74,5	
79	14	Nguyễn Thị Thanh Dung		20/8/1990	Kinh	Xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Huyện ủy Duy Xuyên	KD020	0	74,25	74,25	
80	15	Vũ Thị Kim Thắm		26/09/1991	Kinh	Xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tuyên giáo Thành ủy Tam Kỳ	KD145	0	73	73	
81	16	Nguyễn Minh Huy	27/10/1991		Kinh	Xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Núi Thành	KD064	0	71	71	
82	17	Phạm Đình Hòa	30/10/1988		Kinh	Xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Con Thương binh loại A	Văn phòng Huyện ủy Thăng Bình	KD053	5	65	70	
83	18	Nguyễn Bích Ngọc		01/02/ 1991	Kinh	Xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD099	0	69,5	69,5	
84	19	Nguyễn Thị Hoa		25/11/1981	Kinh	Phường Triệu Lễ, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Con Thương binh hạng 4/4	Ban Tuyên giáo Thành ủy Hội An	KD049	5	61,75	66,75	
85	20	Nguyễn Thị Tuấn Toàn		28/06/1985	Kinh	Xã Tam Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.	Không	Phòng Tổng hợp Văn phòng Tỉnh ủy	KD178	0	66,5	66,5	
86	21	Nguyễn Thị Thùy Dung		03/10/1992	Kinh	Xã Châu Quý, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Không	Ban Dân vận Huyện ủy Bắc Trà My	KD022	0	64	64	

TT	TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Diện ưu tiên	Vị trí ưu tiên bố trí sau trúng tuyển	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 2	Tổng điểm ưu tiên và điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
87	22	Lê Văn Phúc	17/08/1984		Kinh	Xã Cẩm Hà, TP Hội An, tỉnh Quảng Nam	Con Thương binh hạng 4/4	Ban Tuyên giáo Thành ủy Hội An	KD117	5	58,25	63,25	
88	23	Lê Thị Nghị		30/11/1983	Kinh	Xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Núi Thành	KD095	0	61	61	
89	24	Lê Thị Ngọc Ánh		11/09/1989	Kinh	Xã Tiên Lộc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Không	Phòng Tổng hợp Văn phòng Tỉnh ủy	KD005	0	60,75	60,75	
90	25	Võ Thị Kim Trinh		23/07/1989	Kinh	Xã Duy Thành, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Huyện ủy Duy Xuyên	KD187	0	60,25	60,25	
91	26	Bùi Thị Hà		15/3/ 1990	Kinh	Phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD030	0	59,75	59,75	
92	27	Đoàn Thị Thanh Tâm		01/01/1986	Kinh	Xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.	Không	Phòng Quản trị Văn phòng Tỉnh ủy	KD140	0	59,5	59,5	
93	28	Nguyễn Thị Lan Anh		18/09/1991	Kinh	Thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tuyên giáo Thành ủy Tam Kỳ	KD002	0	59	59	
94	29	Đặng Thị Nhi		21/04/1990	Kinh	Xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Không	Phòng Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	KD108	0	58,5	58,5	
95	30	Nguyễn Thị Như Ngọc		28/08/1988	Kinh	Xã Duy An, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Huyện ủy Duy Xuyên	KD098	0	57,25	57,25	
96	31	Phan Thị Hoài Thương		24/10/ 1990	Kinh	Xã Điện Thọ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD165	0	57	57	
97	32	Lê Thuận	30/8/ 1991		Kinh	Xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD160	0	56,75	56,75	
98	33	Phan Thị Hoài Tâm		02/02/ 1986	Kinh	Phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD141	0	56,5	56,5	
99	34	Huỳnh Thị Y Giang		24/11/ 1989	Kinh	Xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Con thương binh 2/4	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD029	5	50,25	55,25	
100	35	Võ Quỳnh Na		06/09/1990	Kinh	Xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Núi Thành	KD089	0	55	55	

TT	TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Diện ưu tiên	Vị trí ưu tiên bố trí sau trúng tuyển	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 2	Tổng điểm ưu tiên và điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
101	36	Nguyễn Na Phạm An		01/09/1991	Kinh	Xã Điện Hòa, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Không	Phòng Quản trị Văn phòng Tỉnh ủy	KD088	0	54,75	54,75	
102	37	Bùi Thị Hiền Thu		24/04/1987	Kinh	Xã Tam Hòa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Phòng Quản trị Văn phòng Tỉnh ủy	KD042	0	53,75	53,75	
103	38	Nguyễn Tiên Tấn	20/02/1991		Kinh	Phường An Sơn, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.	Không	Phòng Quản trị Văn phòng Tỉnh ủy	KD174	0	52	52	
104	39	Nguyễn Thị Thanh Quyên		15/08/1991	Kinh	Phường Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tuyên giáo Thành ủy Tam Kỳ	KD127	0	51,75	51,75	
105	40	Trần Thị Minh Xuân		22/5/1987	Kinh	Xã Điện Hồng, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD207	0	50,75	50,75	
106	41	Dương Thị Mỹ Dung		24/09/1990	Kinh	Xã Tam Tiến, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Phòng Quản trị Văn phòng Tỉnh ủy	KD019	0	50	50	
107	42	Nguyễn Thị Lan Duyên		20/02/1985	Kinh	Xã Tam Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Núi Thành	KD025	0	50	50	
108	43	Nguyễn Văn Thành	04/4/ 1989		Kinh	Xã Điện Minh, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD147	0	50	50	
109	44	Bùi Thị Thanh Thảo		22/4/1990	Kinh	Xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Nam Giang	KD151	0	49	49	
110	45	Trần Thị Năng		14/09/1988	Kinh	Xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam	Con Thương binh loại A	Văn phòng Huyện ủy Thăng Bình	KD091	5	41,5	46,5	
111	46	Trần Quốc Hùng	18/03/1989		Kinh	Xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Núi Thành	KD059	0	45,5	45,5	
112	47	Nguyễn Sơn Tấn	14/08/1986		Kinh	Xã Duy Thành, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Con Thương binh	Văn phòng Huyện ủy Duy Xuyên	KD130	5	39,75	44,75	
113	48	Hồ Thị Phương		28/02/1990	Kinh	Xã Đại Minh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Nam Giang	KD121	0	42	42	
114	49	Nguyễn Thị Thúy Nga		19/02/1990	Kinh	Xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	không	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Nam Trà My	KD093	0	42	42	

phsinh

TT	TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Diện ưu tiên	Vị trí ưu tiên bổ trí sau trúng tuyển	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 2	Tổng điểm ưu tiên và điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
115	50	Hoàng Thị Hoa		22/08/1989	Kinh	Xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Không	Ban Tuyên giáo Thành ủy Tam Kỳ	KD047	0	41,5	41,5	
116	51	Nguyễn Phương Trang		17/8/ 1987	Kinh	Phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD183	0	41,25	41,25	
117	52	Nguyễn Thị Trang Phương		14/06/1991	Kinh	Xã Bình An, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tuyên giáo Thành ủy Tam Kỳ	KD181	0	41	41	
118	53	Nguyễn Thị Họa My		31/12/1987	Kinh	Xã Tiên An, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Không	Phòng Tổng hợp Văn phòng Tỉnh ủy	KD086	0	40,75	40,75	
119	54	Nguyễn Thị Phúc		12/12/1989	Kinh	Xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Không	Phòng Quản trị Văn phòng Tỉnh ủy	KD116	0	39	39	
120	55	Trần Thị Kiều Diệp		10/08/1992	Kinh	Xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Huyện ủy Bắc Trà My	KD017	0	38,75	38,75	
121	56	Trần Thị Huệ		15/10/ 1987	Kinh	Xã Điện Quang, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD057	0	38,5	38,5	
122	57	Nguyễn Thị Sương		02/01/1990	Kinh	Xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tuyên giáo Thành ủy Tam Kỳ	KD133	0	38,25	38,25	
123	58	Nguyễn Thị Thương		09/05/1991	Kinh	Xã Tam Dân, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Núi Thành	KD164	0	38	38	
124	59	Võ Thị Thu Vân		04/10/1990	Kinh	Xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.	Không	Phòng Tổng hợp Văn phòng Tỉnh ủy	KD196	0	37,75	37,75	
125	60	Nguyễn Thị Kim Hoa		08/12/1986	Kinh	Xã Cẩm Hà, TP Hội An, tỉnh Quảng Nam	Con Bệnh binh 62%	Ban Tuyên giáo Thành ủy Hội An	KD050	5	32	37	
126	61	Huỳnh Trí	04/5/ 1989		Kinh	Xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD184	0	36,25	36,25	
127	62	Nguyễn Thị Lan Hương		18/10/ 1990	Kinh	Xã Điện Hồng, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD062	0	36	36	

ph

TT	TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Diện ưu tiên	Vị trí ưu tiên bố trí sau trúng tuyển	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 2	Tổng điểm ưu tiên và điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
128	63	Ngô Thị Mỹ Trang		10/02/1991	Kinh	Xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Huyện ủy Duy Xuyên	KD182	0	35,5	35,5	Bị trừ 50% số điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành do bị lập biên bản xử lý cảnh cáo
129	64	Trần Quang Hải	10/8/ 1982		Kinh	Xã Điện Phong, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD031	0	34,5	34,5	
130	65	Nguyễn Thị Mai		12/03/ 1987	Kinh	Xã Quế xuân 1- huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD082	0	33,25	33,25	
131	66	Lê Dương Hồng Thúy		25/02/1988	Kinh	Xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Núi Thành	KD167	0	32,5	32,5	
132	67	Huỳnh Thị Ngọc Loan		01/02/1988	Kinh	Xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CDHH	Văn phòng huyện ủy Thăng Bình	KD074	5	26	31	
133	68	Ngô Văn Hòa	20/9/ 1988		Kinh	Xã Điện Trung, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Con thương binh 4/4	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD054	5	26	31	
134	69	Châu Thị Thảo		17/09/1982	Kinh	Xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Núi Thành	KD150	0	30	30	
135	70	Trương Thanh Duy	03/02/1985		Kinh	Xã Tam Dân, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Con người HDKC bị nhiễm CDHH	Ban Tuyên giáo Thành ủy Tam Kỳ	KD024	5	25	30	
136	71	Đỗ Thị Bích Vân		25/04/ 1991	Kinh	Xã Điện Thắng Nam, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD198	0	28	28	
137	72	Nguyễn Thị Sang Thu		01/10/ 1992	Kinh	Xã Quế Thọ, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD154	0	27,25	27,25	
138	73	Nguyễn Thị Thanh Mai		09/10/1988	Kinh	Xã Cẩm Hà, TP Hội An, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tuyên giáo Thành ủy Hội An	KD083	0	26,25	26,25	
139	74	Chơ Rưm Thương	15/4/1992		Tà riềng	Xã La Dê, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Dân tộc thiểu số	Ban Tổ chức Huyện ủy Nam Giang	KD166	5	21	26	

Phan

TT	TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Diện ưu tiên	Vị trí ưu tiên bố trí sau trúng tuyển	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 2	Tổng điểm ưu tiên và điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
140	75	Nguyễn Thị Hằng Thương		03/07/1989	Kinh	Xã Tam Ngọc, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.	Con thương binh	Phòng Quản trị Văn phòng Tỉnh ủy	KD163	5	20,5	25,5	
141	76	Nguyễn Trường Thuận	01/01/1989		Kinh	Xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Núi Thành	KD156	0	24,5	24,5	
142	77	Zơ râm Hon	12/11/1990		Tà riềng	Xã Đắc Tỏi, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Dân tộc thiểu số	Ban Tổ chức Huyện ủy Nam Giang	KD055	5	19,125	24,125	Bị trừ 50% số điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành do bị lập biên bản xử lý cảnh cáo
143	78	Phạm Quang Cường	01/09/1982		Kinh	Xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Ban Tổ chức Huyện ủy Núi Thành	KD014	2,5	21,375	23,875	Bị trừ 50% số điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành do bị lập biên bản xử lý cảnh cáo
144	79	Lê Thị Ly Ly		16/06/1990	Kinh	Xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Huyện ủy Thăng Bình	KD080	0	21,75	21,75	
145	80	Ngô Đặng Anh Phương		22/11/1990	Kinh	Xã Đại Hồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Huyện ủy Duy Xuyên	KD003	0	21,375	21,375	Bị trừ 50% số điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành do bị lập biên bản xử lý cảnh cáo
146	81	Nguyễn Thị Thu Vân		03/05/1983	Kinh	Xã Cẩm Hà, TP Hội An, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tuyên giáo Thành ủy Hội An	KD199	0	20,75	20,75	Bị trừ 50% số điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành do bị lập biên bản xử lý cảnh cáo

TT	TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Diện ưu tiên	Vị trí ưu tiên bố trí sau trúng tuyển	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 2	Tổng điểm ưu tiên và điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
147	82	Lê Văn Minh	18/11/1984		Kinh	Xã Điện Thọ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Sĩ quan dự bị	Ban Tổ chức Huyện ủy Nam Giang	KD085	5	13	18	Bị trừ 50% số điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành do bị lập biên bản xử lý cảnh cáo
148	83	Huỳnh Thị Tinh		29/10/1992	Kinh	Xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Núi Thành	KD177	0	17,75	17,75	
149	84	Trần Vĩnh Linh	15/8/1986		Kinh	Xã Bình Hải, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	không	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Nam Trà My	KD073	0	17,5	17,5	
150	85	Lê Nguyễn Nga Vân		17/07/1987	Kinh	Xã Điện Hồng, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Con Thương binh hạng 4/4	Ban Tuyên giáo Thành ủy Hội An	KD092	5	12	17	
151	86	Trần Thị Bích Thủy		05/05/1989	Kinh	Xã Tam Dân, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.	Con bệnh binh	Phòng Quản trị Văn phòng Tỉnh ủy	KD171	5	11,25	16,25	
152	87	Trần Hồng Mẫn	25/12/1988		Kinh	Xã Điện Quang, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD084	0	16	16	
153	88	Phan Thị Thanh Nhân		01/12/1990	Kinh	Xã Quế Thọ, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Núi Thành	KD103	0	14,5	14,5	
154	89	Phan Thị Như Thủy		01/10/1985	Kinh	Xã Đại Hồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Huyện ủy Duy Xuyên	KD170	0	13,75	13,75	
155	90	Trương Thị Tuyết Nữ		20/09/1991	Kinh	Xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Con thương binh	Ban Tổ chức Huyện ủy Núi Thành	KD111	5	8,25	13,25	
156	91	Nguyễn Thị Sương		31/03/1990	Kinh	Xã Duy An, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Huyện ủy Duy Xuyên	KD134	0	13,25	13,25	Bị trừ 50% số điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành do bị lập biên bản xử lý cảnh cáo
157	92	Lê Thị Kiên Trung		14/06/1987	Kinh	Xã Tam Hòa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Núi Thành	KD189	0	11,75	11,75	

phần

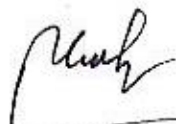
TT	TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Điện ưu tiên	Vị trí ưu tiên bố trí sau trúng tuyển	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 2	Tổng điểm ưu tiên và điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
158	93	Phan Thị Duyên		19/10/1990	Kinh	Xã Thăng Phước, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Huyện ủy Thăng Bình	KD026	0	11,25	11,25	
159	94	Phạm Thị Lệ Thủy		20/02/1987	Kinh	Xã Tam Vinh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Núi Thành	KD172	0	10,75	10,75	
160	95	Nguyễn Tấn Viên	10/10/1989		Kinh	Xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Núi Thành	KD203	0	9,5	9,5	Bị trừ 50% số điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành do bị lập biên bản xử lý cảnh cáo
161	96	Dương Thị Mỹ Thuận		01/10/1990	Kinh	Xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Núi Thành	KD159	0	8,5	8,5	
162	97	Nguyễn Thanh Văn	05/07/1987		Kinh	Xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn, Quảng Nam	Không	Văn phòng Huyện ủy Thăng Bình	KD200	0	8,5	8,5	
163	98	Hồ Thị Kiên Linh		24/08/1990	Kinh	Xã Bình Đào, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Không	Phòng Quản trị Văn phòng Tỉnh ủy	KD072	0	7	7	
164	99	Đoàn Thị Thu Ba		05/02/1987	Kinh	Xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.	Không	Phòng Tổng hợp Văn phòng Tỉnh ủy	KD007	0	5,5	5,5	Bị trừ 50% số điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành do bị lập biên bản xử lý cảnh cáo
165	100	Trần Lê Hoa		18/06/1989	Kinh	Xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Huyện ủy Duy Xuyên	KD048	0	4,5	4,5	
166	101	Lê Thị Trường Văn		10/08/1991	Kinh	Thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Huyện ủy Duy Xuyên	KD201	0	4,5	4,5	
167	102	Võ Đức Thuận		01/01/1990	Kinh	Xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Tổ chức Huyện ủy Núi Thành	KD158	0	3	3	

ph

TT	TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Điện ưu tiên	Vị trí ưu tiên bố trí sau trúng tuyển	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 2	Tổng điểm ưu tiên và điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
168	103	Trần Thị Minh Tài		01/6/ 1985	Kinh	Xã Đại Chánh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Không	Ban Dân vận Thị ủy Điện Bàn	KD135	0	3	3	Bị trừ 50% số điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành do bị lập biên bản xử lý cảnh cáo
169	104	Trần Thị Vân		31/07/1985	Kinh	Xã Bình Nguyên, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Huyện ủy Duy Xuyên	KD197	0	0,875	0,875	Bị trừ 50% số điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành do bị lập biên bản xử lý cảnh cáo
V. Vị trí việc làm bố trí tại cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy, tỉnh ủy (nhóm ngành công nghệ thông tin), gồm 03 chỉ tiêu.													
170	1	Trần Cao Nguyên	01/11/1992		Kinh	Xã Quế Châu, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Huyện ủy Phước Sơn	KD100	0	71	71	
171	2	Trương Thị Tường Vi		01/03/1994	Kinh	Xã Tiên An, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Con thương binh 4/4	Văn phòng Huyện ủy Bắc Trà My	KD202	5	40,75	45,75	
172	3	Ngô Thị Nguyệt		01/11/1989	Kinh	Xã Bình An, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Huyện ủy Bắc Trà My	KD101	0	36,75	36,75	
173	4	Arail Ôi	25/02/1988		Cotu	Xã Avuong, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	Người DTTS	Văn phòng Huyện ủy Tây Giang	KD114	5	24,5	29,5	
VI. Vị trí việc làm bố trí tại cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy, huyện ủy (nhóm ngành Xây dựng), gồm 01 chỉ tiêu.													
174	1	Trương Ngọc Tiên	08/6/1985		Kinh	Xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Con thương binh	Cơ quan UBKT Huyện ủy Tiên Phước	KD176	5	84,5	89,5	
175	2	Võ Hà Tuấn	05/7/1989		Kinh	Xã Điện phương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Không	Cơ quan UBKT Huyện ủy Tiên Phước	KD191	0	55,75	55,75	

TT	TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Điện ưu tiên	Vị trí ưu tiên bố trí sau trúng tuyển	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thi vòng 2	Tổng điểm ưu tiên và điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
176	3	Nguyễn Đức Anh	23/11/1988		Kinh	Xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Con thương binh	Cơ quan UBKT Huyện ủy Tiên Phước	KD004	5	50	55	
177	4	Nguyễn Thanh Trung	25/07/1988		Kinh	Xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Không	Cơ quan UBKT Huyện ủy Tiên Phước	KD190	0	42,5	42,5	
178	5	Võ Ngọc Ân	19/8/1989		Kinh	Xã Tam Lãnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Con thương binh	Cơ quan UBKT Huyện ủy Tiên Phước	KD006	5	16,125	21,125	Bị trừ 50% số điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành do bị lập biên bản xử lý cảnh cáo
179	6	Nguyễn Thành Bin	05/11/1985		Kinh	Xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Không	Cơ quan UBKT Huyện ủy Tiên Phước	KD008	0	14,25	14,25	Bị trừ 50% số điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành do bị lập biên bản xử lý cảnh cáo
VII. Vị trí tuyển dụng nhóm ngành Văn thư lưu trữ bố trí tại cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy, huyện ủy, gồm 02 chỉ tiêu													
180	1	Bùi Thị Oanh		01/01/1988	Kinh	Xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Thành ủy Hội An	KD112	0	63,5	63,5	
181	2	Zơ Râm Cơ	07/10/1992		Tà Riềng	Xã Đắc Tôi, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Người DTTS	Văn phòng Huyện ủy Tây Giang	KD013	5	26,25	31,25	
182	3	Phạm Thị Thu Nguyệt		27/10/1989	Kinh	Xã Điện Hồng, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Không	Văn phòng Thành ủy Hội An	KD102	0	14,5	14,5	

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



Nguyễn Hồng Minh

 Quảng Nam, ngày 06 tháng 8 năm 2020
 PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG


Nguyễn Chín